TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2024/DS-ST.
Ngày 27-12-2024.
V/v "Tranh chấp đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Huỳnh Văn Chính.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST–DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp đòi tài sản (tiền). Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: 1/ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1954 (có đơn xin vắng mặt).

2/ Bà Võ Thị Ú, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2024, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày cho rằng vào ngày 16/3/2018 âm lịch, bà có nhận cố phần đất của ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị Ú với diện tích là 07 công, giá cố 180.000.000 đồng, thời hạn cố là 05 năm. Việc cố đất đã giao tiền đầy đủ, đến tháng 5/2024 thì ông T và bà Út C lại đất và thanh toán trước cho bà tiền cố đất được 123.400.000 đồng, nợ lại 56.600.000 đồng hẹn trong vòng một

tháng sẽ trả đủ nhưng không thực hiện. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc vợ chồng ông T và bà Ú trả số tiền nợ 56.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Võ Thị Ú vắng mặt, quá trình giải quyết có trình bày ý kiến: Bà và ông T là vợ chồng có cố đất cho bà L, sau đó chuộc đất nhưng chưa trả đủ tiền còn nợ lại là 56.600.000 đồng. Vợ chồng bà đồng ý trả nhưng xin được trả dần số tiền nợ.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt, tại đơn xin xét xử vắng mặt có trình bày ý kiến: Do hoàn cảnh đau ốm, đi lại khó khăn nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với vợ chồng chúng tôi và vợ chồng chúng tôi cũng đồng ý trả số tiền còn thiếu bà L.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật. Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc vợ chồng ông T và bà Ú hoàn trả số tiền nợ, đồng thời các bị đơn phải chịu lãi chậm thi hành án nếu có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà L là tranh chấp dân sự về đòi tài sản quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị Ú trả số tiền nợ 56.600.000 đồng, xét thấy quá trình giải quyết bị đơn bà Ú thừa nhận vợ chồng bà có cố đất cho bà L và khi chuộc đất thì thanh toán tiền cố đất chưa đủ còn nợ bà L số tiền 56.600.000 đồng. Đồng thời, tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn bà Ú và ông T đều đồng ý trả số tiền nợ bà L. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định lời thừa nhận của bà Ú, ông T là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Từ phân tích trên, có cơ sở xác định ông T và bà Ú còn nợ bà L tiền cố đất là 56.600.000 đồng, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Đối với yêu cầu của bà Ú về trả dần số tiền nợ, nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhân nên các bị đơn là người phải chịu án phí. Tuy nhiên quá trình giải quyết các bị đơn

có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 166, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị Ú có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 56.600.000 đồng (năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành T và bà Võ Thị Ú được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.415.000 đồng theo biên lai thu số 0004092 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- CCTHADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai